

PHỤ LỤC SỐ 04
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC - HẢI PHÒNG
Năm báo cáo: 2016

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HẢI PHÒNG**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: **0200171274**
- Vốn điều lệ: **742.069.400.000**
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: **742.069.400.000**
- Địa chỉ: **Số 54 Đinh Tiên Hoàng, Hồng Bàng, Hải Phòng**
- Số điện thoại: **031.3745377**
- Số fax: **031.3823748**
- Website: **capnuochaiphong.com.vn**
- Mã cổ phiếu (nếu có): **HPW**

2. Quá trình hình thành và phát triển:

Tóm tắt quá trình phát triển:

*** Về tổ chức:**

- *Giai đoạn 1905 đến trước 13/5/1955*: các công trình cấp nước do người Pháp thiết kế, xây dựng và quản lý gồm: 1 nhà máy nước công suất 5000 m³/ngày tại Lán Tháp, Uông Bí, Quảng Ninh; Tuyến ống cấp nước D600 dài trên 33 km cấp nước từ Lán Tháp về Hải Phòng (xây dựng những năm đầu của thập niên 1900); Trạm bơm tăng áp Đinh Tiên

Hoàng (xây dựng 1934) gồm: 01 đài nước cao 25m, dung tích 500 m³; 06 đài nước cao 8m, tổng dung tích 1800 m³; 01 trạm bơm tăng áp. Từ 1934 - 1954, xây dựng thêm 2 giếng khai thác nước ngầm tại Nhà hát Lớn và Trại Cau có công suất khai thác 3840 m³/ngày.

- Từ 1955 đến 1986: Nhà máy nước Hải Phòng chính thức được thành lập vào năm 1967 trực thuộc sở Nhà đất (nay là sở Xây dựng) quản lý.

- Năm 1986, Nhà máy nước Hải Phòng chuyển đổi thành Công ty Cấp nước Hải Phòng theo quyết định số 845/QĐ-UB ngày 28/10/1986 “ về việc đổi tên và quy định quyền hạn Công ty Cấp nước Hải Phòng” của UBND thành phố Hải Phòng.

- Năm 1993, UBND thành phố Hải Phòng ra Quyết định số 71/QĐ - TCCQ ngày 14/01/1993: về việc thành lập doanh nghiệp Nhà nước và quy chế hoạt động doanh nghiệp của Công ty Cấp nước Hải Phòng”.

- Năm 1998, NMN Lán Tháp, Uông Bí được bàn giao cho tỉnh Quảng Ninh quản lý, khai thác cấp cho Quảng Ninh.

- Năm 2007, Công ty Cấp nước Hải Phòng chuyển đổi thành Công ty TNHH một thành viên Cấp nước Hải Phòng, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp theo Quyết định số 1787/QĐ-UBND ngày 10/8/2006. Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty theo Quyết định số 2801/2006/QĐ-UBND ngày 25/12/2006.

- Năm 2008, Công ty tiếp nhận và quản lý nhà máy nước Vĩnh Bảo từ huyện Vĩnh Bảo; tiếp nhận và quản lý Xí nghiệp điện nước Cát Bà từ huyện Cát Hải.

- Năm 2009 cổ phần hóa xí nghiệp cấp nước Vật Cách thành Công ty Cổ phần cấp nước Vật Cách (nay là Công ty Cổ phần kinh doanh nước sạch số 2 Hải Phòng)....

- Tháng 4 năm 2015 Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước Hải Phòng chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Cấp nước Hải Phòng theo Quyết định số 732/QĐ-UBND ngày 09/04/2015

*** Về đầu tư Hệ thống cấp nước:**

- Năm 1959 - 1961: Nhà máy nước An Dương được xây dựng giai đoạn I với công suất 20.000 m³/ngày cấp nước cho khu vực nội thành (các quận Hồng Bàng, Lê Chân, Ngô

Quyền, Hải An hiện nay); Giai đoạn này Nhà máy nước Đồ Sơn cũng được xây dựng với công suất 1000 m³/ngày cấp cho khu vực Đồ Sơn.

- Năm 1965 - 1971: NMN An Dương được đầu tư nâng công suất lên 60.000 m³/ngày.

- Năm 1976 - 1977: NMN Cầu Nguyệt được xây dựng giai đoạn I với công suất 20.000 m³/ngày cấp cho khu vực Kiến An thay cho việc dùng 2 trạm bơm nước giếng ở Khúc Trì và Trảng Minh công suất 2420 m³/ngày bị nhiễm mặn cao.

- Năm 1979 - 1980: NMN Cầu Nguyệt triển khai giai đoạn II, nâng công suất lên 60.000 m³/ngày cấp một phần cho khu vực nội thành trung tâm.

- Năm 1987 - 1989: NHM Vật Cách được đầu tư xây dựng với công suất 11.000 m³/ngày, cấp nước cho khu vực Vật Cách, Quán toan. NMN Đồ Sơn được cải tạo nâng công suất lên 5000 m³/ngày.

- Năm 1993 - 1997: Đầu tư cải tạo, xây dựng mới trên 20 km ống chuyên tải D300 - D600; cải tạo mạng lưới phân phối theo vùng và thực hiện việc lắp đồng hồ đo nước cho từng hộ gia đình của 17 phường thuộc các quận Lê Chân, Ngô Quyền.

- Năm 1999 - 2003: Thực hiện Dự án cấp nước 1A vay vốn WB với tổng mức đầu tư khoảng 19 triệu USD, cải tạo toàn bộ mạng lưới chuyên tải và phân phối khu vực nội thành (các quận Hồng Bàng, Lê Chân, Ngô Quyền); Cải tạo nâng công suất NMN An Dương lên 100.000 m³/ngày, cải tạo trạm bơm Quán Vĩnh, xây dựng 4 km ống BTCT D1000 cấp nước thô từ Quán Vĩnh - An Dương.

- Năm 2004 - 2005: Xây dựng 12,5 km ống chuyên tải D500, D700 khu vực phía Nam nội thành Hải Phòng từ NMN An Dương đến đập Đình Vũ, tổng mức đầu tư khoảng 50 tỷ đồng.

- Năm 2005 - 2007: Đầu tư xây dựng mới hệ thống cấp nước quận Hải An gồm các phường Đằng Hải, Nam Hải, Trảng Cát, Cát Bi, Đông Hải, 3km ống D300, D400 NMN Vật Cách - TT An Dương, 3km ống D300 đi KCN An Tràng; cấp nước xã An Đồng, huyện An Dương.

- Năm 2007 - 2009: Thực hiện Dự án cấp nước Kiến An vay vốn WB, tổng mức đầu tư 14,5 triệu USD, cải tạo NMN Cầu Nguyệt công suất 40.000 m³/ngđ, cải tạo lại toàn bộ mạng lưới chuyên tải và mạng phân phối của 8/10 phường quận Kiến An, lắp đặt trên 30.000 đồng hồ tới hộ gia đình. Tiếp tục đầu tư kéo dài 3 km ống D500 Đình Vũ (tới cảng Đình Vũ). Cải tạo cấp nước thị trấn An Dương, xây dựng 3km ống D300 KCN Tràng Duệ, cấp nước xã An Đồng...

- Năm 2008: Tiếp nhận quản lý hệ thống cấp nước Vĩnh Bảo từ huyện với công suất thiết kế nhà máy ban đầu là 2.500 m³/ngđ, mạng lưới khu vực thị trấn với khoảng 1300 hộ khách hàng. Từ đó đến nay Công ty đầu tư gần 50 tỷ đồng để nâng công suất nhà máy lên 5000 m³/ngđ, mở rộng mạng lưới ra các xã ven: Nhân Hòa, Tân Liên, Tân Hưng, Trung Lập,... đưa số khách hàng dùng nước lên 6450 hộ.

Cũng trong năm 2008 Công ty tiếp nhận quản lý hệ thống cấp nước Cát Bà từ huyện Cát Hải với công suất thiết kế nhà máy ban đầu là 3.000 m³/ngđ, mạng lưới khu vực thị trấn với khoảng 1500 hộ khách hàng. Từ đó đến nay Công ty đầu tư gần 40 tỷ đồng để cải tạo nhà máy nâng cao hiệu quả vận hành, nâng cao chất lượng nước xử lý; đầu tư xây dựng các trạm bơm đầu nguồn và tuyến ống cấp nước thô đảm bảo cấp đủ nước; cải tạo lại mạng lưới thị trấn Cát Bà; mở rộng mạng lưới cấp nước ra các xã Trân Châu, Xuân Đám, Việt Hải đưa số khách hàng dùng nước lên 3000 hộ.

- Năm 2009: Thành lập Công ty Cổ phần cấp nước Vật Cách từ Xí nghiệp sản xuất nước Vật Cách.

- Năm 2009 - 2012: Đầu tư xây dựng 5 km ống D300 đường 402, 6 km ống D300 đường 355, 6 km ống D300 đường 351, cải tạo cấp nước các xã Hồng Thái, Đồng Thái, Thái Sơn, phường Đa Phúc, đầu tư xây dựng 4 km ống gang D1000 cấp nước thô giai đoạn II từ TB Quán Vĩnh - NMN An Dương, tổng mức đầu tư khoảng 54 tỷ đồng.

- Năm 2012 - 2014: Đầu tư xây dựng nâng công suất NMN Vật Cách từ 10.000 m³/ngđ lên 30.000 m³/ng bằng việc xây dựng mới 01 NMN công suất 20.000 m³/ngđ, tổng mức đầu tư khoảng 100 tỷ đồng; đầu tư xây dựng 01 tuyến ống D400 dài 6,7km từ Vật Cách - ngã 4 đèn liệt sỹ Hồng Bàng, tổng mức đầu tư khoảng 30 tỷ đồng.

- Năm 2014 - 2020: Công ty đang triển khai Dự án mở rộng hệ thống Cấp nước Hải Phòng giai đoạn II, vay vốn ADB, tổng mức 73,7 triệu USD để: Nâng công suất NMN An

Dương lên 200.000 m³/ngđ; Xây dựng NMN Hưng Đạo công suất 25.000 m³/ngđ (quy hoạch 200.000 m³/ngđ); Xây dựng NMN Ngũ Lão công suất 25.000 m³/ngđ (quy hoạch 200.000 m³/ngđ); Xây dựng NMN Kim Sơn công suất 25.000 m³/ngđ (quy hoạch 200.000 m³/ngđ); Xây dựng khoảng 79 km ống chuyên tải D300 - D600; Cải tạo, xây dựng mới mạng lưới phân phối cấp nước các quận Đồ Sơn, Dương Kinh, một phần huyện An Dương, một phần huyện Thủy Nguyên với số khách hàng mới tăng thêm khoảng 54.000 và trên 196.000 khách hàng khu vực trung tâm được hưởng lợi ích do cấp nước được ổn định và cải thiện cả về chất lượng và dịch vụ.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh

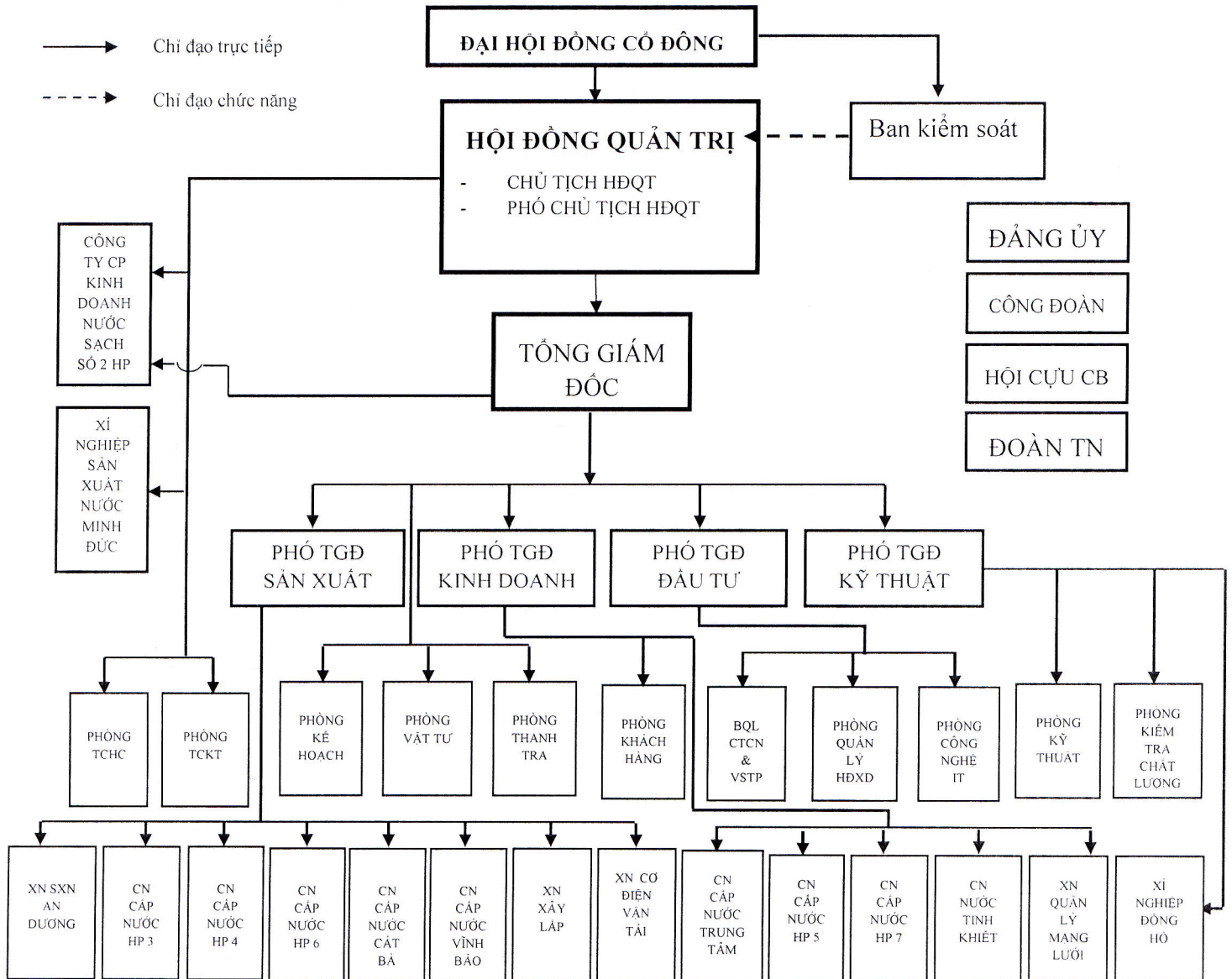
1. Khai thác sản xuất, kinh doanh nước sạch phục vụ sinh hoạt, sản xuất và các nhu cầu khác. Sản xuất nước tinh lọc (Nước uống đóng chai).
2. Khảo sát, thiết kế, giám sát và thi công các công trình hạ tầng kỹ thuật, cấp thoát nước, công trình dân dụng, công nghiệp, điện, cơ khí, giao thông.
3. Hoạt động tư vấn quản lý chất lượng nước, dịch vụ lập quy hoạch, dự án đầu tư, thẩm định dự án cấp nước, kiểm nghiệm chất lượng nước, kiểm định đồng hồ đo nước lạnh, bán buôn thiết bị, vật tư ngành nước.

- Địa bàn kinh doanh

Thành phố Hải Phòng

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

4.1 Cơ cấu bộ máy quản lý:



Chức năng các phòng ban

- **Phòng Tổ chức – Hành chính:**

- Giải quyết các công việc liên quan đến: chính sách người lao động, tiền lương, tiền thưởng.
- Tham mưu cho lãnh đạo về công tác tổ chức, tuyển dụng, đào tạo.
- Giải quyết các công việc hành chính cơ quan, quản lý con dấu.

- **Phòng Kế hoạch:**

- Tham mưu với lãnh đạo Công ty về việc lập kế hoạch sản xuất kinh doanh, kiểm tra và đánh giá các kết quả thực hiện.

- **Phòng Kỹ Thuật:**

- Quản lý công tác kỹ thuật, quy hoạch, lập dự án, thiết kế phát triển hệ thống cấp nước.

- **Phòng Tài chính – Kế toán:**

- Quản lý, giám sát toàn bộ các hoạt động về tài chính, kế toán, thống kê của Công ty.

- **Phòng Vật tư:**

- Quản lý vật tư của Công ty.
- Cung ứng đủ vật tư cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- **Phòng Khách hàng:**

- Giao dịch với khách hàng
- Quản lý và vận hành hệ thống hoá đơn và các khoản phải thu.

- **Phòng Kiểm tra chất lượng nước:**

- Quản lý chất lượng nước sản xuất.
- Theo dõi các nguồn nước đang và sẽ khai thác.

- **Phòng Công nghệ thông tin:**

- Quản lý, bảo dưỡng, giám sát vận hành và đảm bảo thông suốt mạng máy tính và các thiết bị tin học trong toàn Công ty. Quản trị mạng thông tin nội bộ, quản lý các hệ thống mạng tin học mà Công ty đang sử dụng để phục vụ cho công tác khai thác của các đơn vị vào mục đích SXKD của Công ty.

- **Phòng Thanh tra:**

- Kiểm tra hệ thống cấp nước từ nguồn nước sinh hoạt, công trình cấp nước, mạng lưới cấp nước đến các hộ tiêu thụ.
- Giải quyết các vi phạm về quản lý, bảo vệ công trình cấp nước, nguồn nước sinh hoạt, các vi phạm về mua bán, sử dụng nước máy theo hợp đồng mua bán nước máy và các quy định liên quan.

- **Phòng Quản lý hoạt động xây dựng:**

- Tham mưu giúp việc cho Chủ tịch - Tổng Giám đốc triển khai hướng dẫn, kiểm tra trong các lĩnh vực: các văn bản pháp quy liên quan, soát xét các bước trong công tác xây dựng và thẩm định các dự án đầu tư (thuộc nguồn vốn Công ty).

4.2 Các công ty con, công ty liên kết

- Công ty Cổ phần cấp nước Hải Phòng có đầu tư vào công ty con là Công ty Cổ phần kinh doanh nước sạch số 2 Hải Phòng - tiền thân là Xí nghiệp Cấp nước Vật Cách Hải Phòng, có trụ sở tại thôn Do Nha, xã Tân Tiến, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng, được chuyển đổi sang Công ty Cổ phần từ ngày 01 tháng 07 năm 2009.

Tỷ lệ góp vốn cũng như tỷ lệ biểu quyết là 65,29% với giá trị đầu tư là **21.938.000.000 đ**

- Công ty Cổ phần cấp nước Hải Phòng có đầu tư vào công ty liên kết là Công ty TNHH Công nghệ cấp nước Tiên Tiến Nhật Bản Việt Nam ngày 06/01/2016

Tỷ lệ góp vốn cũng như tỷ lệ biểu quyết là 25% với giá trị đầu tư là **5.612.500.000 đ**

5. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

+ Không ngừng đổi mới công nghệ, thiết bị, mở rộng sản xuất, đáp ứng đầy đủ, kịp thời các nhu cầu của khách hàng về chất lượng dịch vụ cấp nước.

+ Tạo đủ việc làm, ổn định thu nhập, cải thiện và nâng cao đời sống cho cán bộ công nhân viên. Đóng góp ngày càng cao cho ngân sách Nhà nước, góp phần quan trọng vào quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa của thành phố Hải Phòng. Đảm bảo Công ty tăng trưởng bền vững, phù hợp với quy hoạch phát triển của Thành phố Hải Phòng

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

+ Sản xuất nước đạt 68,8 triệu m³ trong năm 2017, đáp ứng đầy đủ, kịp thời nhu cầu của khách hàng tại các vùng phục vụ.

+ Thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn, chất lượng nước đảm bảo theo quy chuẩn Việt Nam QCVN 01:2009/BYT.

+ Đảm bảo tối thiểu 99% khách hàng hài lòng với chất lượng sản phẩm và dịch vụ.

- Xây dựng và thực hiện văn hoá Công ty:

+ Duy trì và không ngừng cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001.

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty

+ Đẩy mạnh công tác cộng đồng, truyền thông từ thiện xã hội theo hướng trực tiếp, thiết thực từng bước xây dựng thương hiệu Cấp nước Hải Phòng gắn liền với cộng đồng.

6. Các rủi ro

6.1. Rủi ro về kinh tế.

Sự ổn định và vững mạnh của nền kinh tế trong nước cũng như thế giới là điều kiện hết sức quan trọng và cần thiết cho hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung.

Những năm vừa qua, khủng hoảng tài chính toàn cầu và suy thoái kinh tế đã tác động mạnh mẽ đến nền kinh tế thế giới và Việt Nam. Tuy nhiên, với các tín hiệu tích cực của kinh tế vĩ mô, rủi ro kinh tế sẽ giảm bớt và hoạt động của doanh nghiệp sẽ khả quan hơn trong thời gian tới.

Hoạt động chủ yếu của Công ty Cấp nước Hải Phòng là cấp nước sạch, một sản phẩm thuộc dạng thiết yếu cho sinh hoạt của người dân, chiếm tỷ trọng lớn so với các mục đích khác. Do đó, nhìn chung, hoạt động kinh doanh của Công ty ít bị ảnh hưởng nhiều từ rủi ro kinh tế.

6.2. Rủi ro về luật pháp.

Hoạt động kinh doanh của Công ty chịu sự điều chỉnh của nhiều văn bản pháp luật khác nhau như Luật Doanh nghiệp, Luật Bảo vệ Môi trường, Luật Tài nguyên nước...

Hệ thống luật và các văn bản dưới luật của Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về chính sách có thể xảy ra và khi xảy ra sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.

Tuy nhiên, có thể thấy được mặt tích cực từ những thay đổi này đó là tạo ra hành lang pháp lý ngày càng chặt chẽ và khoa học, phù hợp với hệ thống pháp luật và thông lệ quốc tế, tạo điều kiện thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài cũng như giúp cho các hoạt động sản xuất kinh doanh trong nước tiến hành thuận lợi hơn.

6.3. Rủi ro đặc thù.

Rủi ro từ nguồn nước tự nhiên khai thác

Nguồn nước thô nguyên liệu đầu vào để sản xuất nước sạch được khai thác từ các sông Rế, Đa Độ, Luộc là hạ lưu của sông Thái Bình, sông Hồng. Nguồn nước sông phụ thuộc vào thượng nguồn, vào sự điều tiết của các đập thủy điện thượng lưu do đó tương đối không ổn định. Do đó, Công ty Cấp nước Hải Phòng có thể gặp các rủi ro từ điều kiện tự nhiên của nguồn nước bị thay đổi. Sự thay đổi về chất lượng và lưu lượng nước thô ảnh hưởng rất lớn đến quá trình xử lý nước.

Hoạt động sản xuất công nghiệp, nông nghiệp phát triển nhanh chóng cũng kéo theo nguy cơ ô nhiễm nguồn nước cao. Các nhà máy sản xuất chưa có hệ thống xử lý nước thải phù hợp, hoạt động sản xuất nông nghiệp sử dụng nhiều chất hóa học như phân bón, thuốc trừ sâu, gây nguy cơ ô nhiễm nguồn nước. Những năm gần đây, thời tiết thay đổi khá thất thường, mùa khô kéo dài, nguồn nước sạch bị nhiễm mặn, nhiễm cứng do đó ảnh hưởng đến nguồn nước thô cung cấp như đã từng xảy ra tại đảo Cát Bà.

Để ngăn ngừa các rủi ro trên, Công ty đã đầu tư các thiết bị hiện đại để xử lý nước như dùng bể lọc sinh học (UBCF) công nghệ Nhật Bản để khử chất hữu cơ tại Vĩnh Bảo, bể làm mềm nước tại Cát Bà, cũng như triển khai quy trình vận hành xử lý nước để đảm bảo được chất lượng nước sạch cung cấp cho người dân.

Rủi ro thất thoát nước

Tỷ lệ thất thoát của hệ thống cấp nước hiện tại khoảng 15%. Nước rò rỉ được phân theo 02 loại: loại dễ thấy (nước tràn lên mặt đất) và loại khó thấy (nước chảy ngầm dưới lòng đất, chảy vào hệ thống cống thoát nước..).

Việc sửa chữa các điểm rò rỉ loại dễ thấy được thực hiện trong ngày. Còn đối với điểm rò rỉ khó thấy, cần phải có kế hoạch dò tìm và sửa chữa. Các điểm rò rỉ loại này sẽ tồn tại trong một thời gian dài và chiếm một tỷ lệ lớn trong tổng số lượng nước rò rỉ. Hơn nữa, nếu chúng ta không dò tìm và sửa chữa các điểm rò rỉ loại này một cách có hệ thống, chúng sẽ gây ra các sự cố lớn hơn và lượng nước rò rỉ do đó cũng tăng lên.

Hiện nay Công ty đang ứng dụng các kỹ thuật tiên tiến trong công tác quản lý hệ thống cấp nước nhằm giảm thiểu nước thất thoát như: Hệ thống thông tin địa lý GIS, hệ thống Scada, Telemetry - hỗ trợ quản lý, phân tích và đánh giá mạng lưới cấp nước...

6.4. Rủi ro khác.

- Các rủi ro khác nằm ngoài dự đoán và vượt quá khả năng phòng chống của con người như thiên tai, hỏa hoạn, địch họa,...là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty Cổ phần Cấp nước Hải Phòng.

- Việc phát triển thêm khách hàng sinh hoạt ở các huyện ngoại thành gặp nhiều khó khăn do gặp phải sự cạnh tranh với các công ty cấp nước tư nhân ở địa phương cũng như chi phí đầu tư ban đầu tương đối lớn.

- Chi phí sản xuất tăng cao do các yếu tố chủ quan đầu vào như tiền điện, nước thô, các khoản phí phải nộp ngân sách.. tăng dẫn tới các chỉ tiêu tài chính không được đảm bảo.

- Tiến độ giải ngân các khoản vay nước ngoài không kịp tiến độ dẫn tới việc thực hiện các dự án đầu tư bị chậm.

II. Tình hình hoạt động năm 2016:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

ST T	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2016	Thực hiện năm 2016	So sánh(%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(5)/(4)
1	Khách hàng	Hộ		282.561	
2	Nước tiêu thụ	M ³	58.688.709	59.420.481	101,25
3	Nước lập hóa đơn	M ³	58.388.709	58.998.187	101,04
4	Thất thoát (%)	%		13,09	
5	Doanh thu nước sạch	1000đ	590.050.946	596.662.287	101,12
6	Doanh thu hoạt động tài chính	1000 đ	7.008.000	7.256.444	103,54
7	Chi phí	1000đ	526.196.447	531.751.148	101,05
8	Lợi nhuận trước thuế	1000đ	73.754.498	74.255.013	100,68
9	Lợi nhuận sau thuế	1000đ	59.003.598	59.842.320	101,42
10	Thu nhập bình quân	Tr đ/tháng	8,2	8,5	103,66

*** Đánh giá tình hình:**

Năm 2016 tiếp tục là năm hết sức khó khăn, đầy thách thức đối với các doanh nghiệp SXKD trong nước và Công ty cổ phần Cấp nước Hải Phòng cũng không nằm ngoài những khó khăn đó. Nhờ triển khai thực hiện hữu hiệu những giải pháp về khai thác nguồn vốn, về thị trường, công nghệ sản xuất, triệt để tiết kiệm, áp dụng chính sách giá linh hoạt, hợp lý, tăng cường công tác chăm sóc khách hàng, nâng cao chất lượng dịch vụ, Công ty đã giữ vững, phát triển và mở rộng thị trường, ổn định sản xuất, hoàn thành các chỉ tiêu chủ yếu kế hoạch SXKD năm 2016. Cụ thể:

- Sản lượng nước tiêu thụ tăng 1,25%, tổng doanh thu tăng 3,89% so với mục tiêu đề ra.

- Tỷ lệ thất thoát giảm đáng kể, giúp công ty tiết kiệm được mức chi phí lớn. Số lượng khách hàng cũng tăng nhẹ.

- Lợi nhuận trước thuế tăng nhẹ

-Thu nhập của CB-CNV cũng được cải thiện, ở mức khá so với mặt bằng chung của thành phố.

2. Tổ chức và nhân sự

*** Danh sách Ban điều hành:**

2.1 Ông Vũ Hồng Dương - Chủ tịch HĐQT

Họ và tên : Vũ Hồng Dương

Giới tính : Nam

Sinh ngày : 30/06/1958

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

CMND : 030058000035 - Ngày cấp: 18/07/2014 - Nơi cấp: Cục Trưởng Cục cảnh sát DKQL cư trú và DLQG về dân cư.

Quê quán : Xã Kim Xuyên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương

Nơi ở hiện nay : Số 66, Nguyễn Công Trứ, Quận Lê Chân, TP. Hải Phòng

Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, Kỹ sư cấp thoát nước

2.2 Ông Đặng Hữu Dũng - Thành viên HĐQT – Tổng giám đốc

Họ và tên : Đặng Hữu Dũng

Giới tính : Nam

Sinh ngày : 04/03/1962

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

CMND : 030141876 - Ngày cấp: 08/02/2006 - Nơi cấp: CA Hải Phòng

Quê quán : xã Thành Lợi, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định

Nơi ở hiện nay: Lô 26A tổ 30 phường Vĩnh Niệm, Quận Lê Chân, TP Hải Phòng

Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư quản trị kinh doanh, kỹ sư cấp thoát nước

2.3 Ông Trần Việt Cường - Thành viên HĐQT – Phó chủ tịch HĐQT

Họ và tên : Trần Việt Cường

Giới tính : Nam

Sinh ngày : 11/09/1974

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

CMND : 030927877 - Ngày cấp: 18/04/2007 - Nơi cấp: CA Hải Phòng

Quê quán : Kim Thái - Vụ Bản – Nam Định

Nơi ở hiện nay: Số 15 D70, Khu Nam Pháp, quận Ngô Quyền, TP Hải Phòng

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, kỹ sư điện tàu biển, cử nhân tiếng anh, kỹ sư xây dựng

2.4 Ông Trần Văn Dương - Thành viên HĐQT – Phó Tổng giám đốc

Họ và tên : Trần Văn Dương

Giới tính : Nam

Sinh ngày : 07/03/1970

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

CMND : 030810477 - Ngày cấp: 28/08/2003 - Nơi cấp: CA Hải Phòng

Quê quán : Đa Phúc – Dương Kinh – Hải Phòng

Nơi ở hiện nay: Số 6/183, đường Đà Nẵng, Quận Ngô Quyền, TP Hải Phòng

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, Kỹ sư cấp thoát nước.

2.5 Ông Nguyễn Đăng Ninh - Thành viên HĐQT – Kế toán trưởng

Họ và tên : Nguyễn Đăng Ninh

Giới tính : Nam

Sinh ngày : 29/10/1976

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

CMND : 031076001176 - Ngày cấp: 15/05/2015 - Nơi cấp: Cục Trưởng Cục cảnh sát DKQL cư trú và DLQG về dân cư.

Quê quán : Xã Kim Anh, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương

Nơi ở hiện nay : Lô 2 khu dân cư Quán Nam, phường Kênh Dương, quận Lê Chân, TP Hải Phòng

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ quản trị kinh doanh, cử nhân kế toán, Cử nhân Tiếng anh.

- Những thay đổi trong ban điều hành: Có

+ Bổ nhiệm Ông Trần Việt Cường. Chức danh : Phó Chủ tịch HĐQT ngày 12/08/2016.

+ Bổ nhiệm Ông Đặng Hữu Dũng. Chức danh : Tổng Giám đốc ngày 12/08/2016.

2.6 Số lượng cán bộ, nhân viên:

Tại thời điểm 31/12/2016:

+ Tổng số lao động trong doanh nghiệp: 1.115;

Trong đó: - Lao động là nam: 631 người;

- Lao động nữ: 484 người.

- Lao động tham gia BHXH: 1.115 người;

Thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách của Nhà nước và các quy chế, chính sách của Công ty đối với người lao động. Các chính sách: tiền lương, tiền thưởng, khen thưởng, kỷ luật, nội quy lao động, chế độ nghỉ phép, nghỉ lễ, tết, BHXH, ốm đau, thai sản, bảo hộ lao động, an toàn vệ sinh lao động, tuyển dụng, đào tạo, ăn giữa ca, tham

quan, nghỉ mát, sử dụng quỹ phúc lợi, quỹ tương trợ, chăm sóc sức khỏe, đời sống vật chất, tinh thần ... được duy trì thực hiện đầy đủ, đúng quy định giúp người lao động yên tâm, gắn bó với doanh nghiệp, lao động, công tác với tinh thần trách nhiệm và hiệu quả cao.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1 Các khoản đầu tư lớn

Đáp ứng nhu cầu dùng nước của nhân dân thành phố, năm 2016, công ty tiếp tục triển khai Dự án đầu tư mở rộng hệ thống cấp nước thành phố Hải phòng giai đoạn II. Cùng với đó, công ty đã và đang triển khai nhiều dự án đầu tư nâng cao năng lực sản xuất của các nhà máy và mở rộng mạng lưới cấp nước một cách đồng bộ bao gồm:

- Dự án đầu tư nâng cấp NMN An Dương – xây dựng bể lọc công suất 100.000 m³/ngày áp dụng công nghệ lọc tiếp xúc sinh học (U – BCF)
- Dự án đầu tư xây dựng HTCN Tam Cường và vùng phụ cận.
- Dự án nâng công suất NMN Vĩnh Bảo lên 12.000m³/ngày đêm.
- Dự án nâng cấp trạm bơm tăng áp Cầu Rào, lắp đặt cụm xử lý trạm cấp nước Sông He.
- Dự án xây dựng tuyến ống D600An Dương – ngã tư Thành Đội.
- Dự án xây dựng tuyến ống D500 đường 356 từ Tân Cảng tới Trạm bơm tăng áp Đình Vũ.
- Dự án xây dựng tuyến ống D400 cấp nước LG Display.
- Dự án xây dựng tuyến ống cấp nước HDPE DN280 - DN225 đảo Hòn Dấu.
- * Và một số dự án xây dựng các tuyến ống truyền dẫn khác:

Thực hiện chương trình nước sạch nông thôn, năm 2016, công ty triển khai cấp nước cho xã Vinh Quang, xã Cộng Hiền huyện Vĩnh Bảo; xã Tân Viên huyện An Lão; xã Quốc Tuấn huyện An Dương; thôn Liên Minh, Minh Châu, Liên Hòa xã Trân Châu huyện Cát Hải; thôn Úc Gián xã Thuận Thiên huyện Kiến Thụy với tổng số hộ dân được cấp nước sạch là 4.400 hộ.

Bên cạnh đó, công ty còn cấp nước cho hơn 900 khách hàng tổ dân phố số 1, 2 phường Hòa Nghĩa quận Dương Kinh và khu Bắc Hải, Biên Hòa, Điện Biên, Đồng Tiến tổ 6 Bàng La quận Đồ Sơn.

Hiện nay, công ty đang gấp rút hoàn thành Dự án cấp nước cho xã Du Lễ, thôn Hòa Liễu xã Thuận Thiên, thôn Văn Cao xã Hữu Bằng huyện Kiến Thụy, dự án cấp nước thôn Phương Lung, Phúc Lộc phường Hưng Đạo quận Dương Kinh để kịp thời cấp nước cho khoảng 3.400 khách hàng trước Tết Nguyên Đán.

3.2 Các công ty con, công ty liên kết:

Tình hình sản xuất, kinh doanh và số liệu báo cáo tài chính của Công ty CP kinh doanh nước sạch số 2 Hải Phòng là:

Đơn vị: VND

TT	Chỉ tiêu	THỰC HIỆN
1	Tổng tài sản	73.783.834.537
1.1	Tài sản ngắn hạn	34.229.459.460
1.2	Tài sản dài hạn	39.554.375.077
2	Tổng nguồn vốn	73.783.834.537
2.1	Nợ phải trả	14.294.408.814
2.2	Vốn chủ sở hữu	59.489.425.723
3	Doanh thu	77.534.412.797
4	Doanh thu hoạt động tài chính	858.818.590
5	Thu nhập khác	16.525.820
6	Chi phí	64.608.179.440
7	Lợi nhuận trước thuế	13.801.577.767
8	Lợi nhuận sau thuế	11.040.071.464

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

(Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng)

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Năm 2016	9 tháng – Năm 2015	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	1.113.518.136.527	1.120.021.434.762	-0,58%
Doanh thu thuần	613.022.361.848	463.829.119.376	+32,16%
Lợi nhuận từ HĐ SXKD	73.066.123.639	61.597.126.395	+18,62%
Lợi nhuận khác	1.188.889.409	690.780.466	+72,1%
Lợi nhuận trước thuế	74.255.013.048	62.287.906.861	+19,21%
Lợi nhuận sau thuế	59.842.320.937	49.593.133.844	+20,67%

*** Ghi chú**

-Các chỉ tiêu được lấy số liệu trên BCTC riêng năm 2016.

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

(Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng)

Chỉ tiêu	Năm 2016	9 tháng – Năm 2015	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	1,03	1,69	
+ Hệ số thanh toán nhanh <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	0,735	1,41	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,25	0,26	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,34	0,35	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	8,81	8,36	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,55	0,41	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,097	0,106	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,072	0,06	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,054	0,044	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,12	0,13	

*** Ghi chú**

Các chỉ tiêu trên được lấy số liệu trên Báo cáo tài chính riêng năm 2016.

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

- Tên cổ phiếu: **Cổ phiếu Công ty cổ phần Cấp nước Hải Phòng.**
- Mã cổ phiếu: **HPW**
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông.
- Mệnh giá: 10.000 VNĐ
- Tổng số lượng cổ phiếu đăng ký: 74.206.940 cổ phiếu
- Tổng giá trị cổ phiếu đăng ký: 742.069.400.000 VNĐ

b) Cơ cấu cổ đông:

Đơn vị : nghìn VNĐ

Danh mục	Cổ đông trong nước		
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị	Tỷ lệ (%)
Tổng số vốn thực góp	74.206.940	742.069.400	100
1. Cổ đông nhà nước	59.797.840	597.978.400	80,58
2. Cổ đông ngoài	14.409.100	144.091.000	19,42

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: không

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: không

e) Các chứng khoán khác: không

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm 2016 là:

STT	Tên vật liệu	Tổng cộng	
		Lượng (kg)	Tiền
1	Phèn PAC	541.806	5.270.329.219
2	Phèn Bột	17.433	64.903.892
3	Clo	130.573	1.949.544.408
4	Viên Clo	100	6.580.000
5	Vôi	6.280	16.017.763
6	Javen	49.977	119.236.354
7	Than hoạt tính	22.265	556.612.500
8	Muối	8.132	81.320.000
	TỔNG		8.064.544.136

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không có

6.2. Tiêu thụ năng lượng

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp

STT	Diễn giải	KW	Thành tiền
1	Xí nghiệp sản xuất nước An Dương	11.994.897	20.015.756.283
2	Khu vực Văn Phòng	688.404	1.226.451.261
3	Chi nhánh cấp nước Hải Phòng 4	2.386.050	4.197.799.270
4	Chi nhánh cấp nước Hải Phòng 3	767.464	1.411.424.390
5	Chi nhánh cấp nước Hải Phòng 6	844.280	1.447.676.972

6	Xí nghiệp Cấp nước Cát Bà	790.225	1.313.655.710
7	Xí nghiệp Cấp nước Vĩnh Bảo	390.371	664.900.003
	Tổng cộng	17.861.691	30.277.663.899

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này

6.3. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng

STT	Xí nghiệp sản xuất nước	Sông nguồn	M3	Thành tiền
1	Xí nghiệp sản xuất nước An Dương	Sông Rế	47.172.372	42.455.134.800
2	Chi nhánh cấp nước Hải Phòng 3	Sông Rế	2.521.172	2.269.054.800
3	Chi nhánh cấp nước Hải Phòng 4	Sông Đa Độ	12.887.504	11.598.753.600
4	Chi nhánh cấp nước Hải Phòng 6	Sông Đa Độ	2.836.394	2.552.754.600
5	Xí nghiệp Cấp nước Vĩnh Bảo	Chanh Dương	1.601.750	1.441.575.000
	Tổng cộng		67.022.192	60.317.272.800

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng; Không có

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

Tại thời điểm 31/12/2016:

+ Tổng số lao động trong doanh nghiệp: 1.115;

Trong đó: - Lao động là nam: 631 người;

- Lao động nữ: 484 người.

- Lao động tham gia BHXH: 1.115 người;

+ Thu nhập bình quân 8,5 triệu đồng/ tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

Được thể hiện trong Nội quy lao động, Quy chế trả lương, Quy chế ăn ca, Thỏa ước lao động tập thể v.v...Cụ thể;

Công ty cố gắng đảm bảo tất cả lao động đủ việc làm và có thu nhập ở mức khá so với mặt bằng chung của thành phố Hải Phòng. Thực hiện chế độ ăn giữa ca cho người lao động. Thực hiện nghiêm chế độ bảo hộ lao động, an toàn vệ sinh lao động, tổ chức đào tạo định kỳ và hàng năm về an toàn, vệ sinh lao động cho các đối tượng; trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho CNV. Giải quyết đầy đủ, kịp thời các chế độ ốm đau, thai sản, nghỉ lễ, tết, nghỉ phép, trợ cấp khó khăn, tổ chức cho người lao động tham quan, nghỉ mát. Tặng quà cho người lao động những dịp lễ, Tết, tặng quà cho con CBCNV đạt thành tích trong học tập, nhân dịp Tết thiếu nhi. Tổ chức đào tạo tại chỗ, thuê đào tạo hoặc gửi đi đào tạo nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, nâng cao tay nghề, nâng lương, nâng bậc cho người lao động. Tổ chức khám sức khỏe toàn diện, định kỳ cho người lao động.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

Ban lãnh đạo công ty chủ trương xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, kỹ thuật có phẩm chất chính trị, chuyên môn, có khả năng điều hành và làm chủ thiết bị công nghệ cao; đội ngũ công nhân lành nghề và đội ngũ nhân viên kinh doanh tiêu thụ có phong cách phục vụ khách hàng tốt. Năm 2016, công ty đã tổ chức 35 khóa đào tạo, tập huấn, tham quan nghiên cứu cho 819 cán bộ công nhân viên công ty với các lớp đào tạo thi

nâng bậc, các lớp nâng cao trình độ ngoại ngữ, các lớp học về an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ và các lớp tập huấn về nghiệp vụ: kỹ năng giao tiếp khách hàng, kỹ năng bán hàng, kỹ năng kiểm nghiệm, phân tích chất lượng nước, huấn luyện quân sự quốc phòng, kỹ năng quản lý dự án, xây dựng công trình, tài chính, thuế. Đồng thời, công ty tiếp tục có các hoạt động đào tạo nâng cao năng lực quản lý mạng lưới cấp nước tại Nhật Bản.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Tích cực tham gia các phong trào đền ơn đáp nghĩa, hỗ trợ những người mắc bệnh hiểm nghèo, người có gia cảnh khó khăn để tương thân, tương ái, giúp nhau ổn định cuộc sống. Không những chăm lo cho CBCNV trong đơn vị mà Công ty còn tích cực tham gia chương trình hiến máu nhân đạo, ủng hộ và tài trợ các hoạt động từ thiện, xã hội với số tiền trên 1,4 tỷ đồng.

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết quả sản xuất kinh doanh trong kỳ của công ty là:

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2016	Năm 2015
1	2	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	[01]	613.022.361.848	463.829.119.376
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	[02]		
- Chiết khấu thương mại	[04]		
- Giảm giá hàng bán	[05]		
- Hàng bán bị trả lại	[06]		
- Thuế tiêu thụ ĐB, thuế xuất khẩu phải nộp	[07]		
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	[10]	613.022.361.848	463.829.119.376
4. Giá vốn hàng bán	[11]	355.484.148.970	268.747.640.766
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	[20]	257.538.212.878	195.081.478.610
6. Doanh thu hoạt động tài chính	[21]	7.256.444.725	10.312.507.018
7. Chi phí tài chính	[22]	8.313.597.758	7.510.456.702
- Trong đó: Chi phí lãi vay	[23]	8.048.190.443	7.226.821.065
8. Chi phí bán hàng	[25]	93.761.841.622	70.353.180.296
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	[26]	89.653.094.584	65.933.222.235

10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	[30]	73.066.123.639	61.597.126.395
11. Thu nhập khác	[31]	2.430.894.699	3.174.075.711
12. Chi phí khác	[32]	1.242.005.290	2.483.295.245
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	[40]	1.188.889.409	690.780.466
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	[50]	74.255.013.048	62.287.906.861
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	[51]	14.412.692.111	12.694.773.017
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	[52]		
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	[60]	59.842.320.937	49.593.133.844

1.1 Những tiến bộ công ty đã đạt được

1.1.1. Lĩnh vực sản xuất – Chất lượng nước.

- Công ty tiếp tục triển khai kế hoạch cấp nước an toàn; không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ. Nước sản xuất đáp ứng đầy đủ nhu cầu của trên 280.000 khách hàng với chất lượng phù hợp theo quy chuẩn QC 01:2009/BYT,

- Áp lực tại các điểm cuối nguồn đạt 15m cột nước. Số lượng khách hàng phát triển trong năm 2016 là hơn 10.000 khách hàng, trong đó khách hàng phát triển tập trung hơn 5.000 khách hàng.

- Chất lượng nước cấp được giám sát bởi: Trung tâm y tế dự phòng Hải Phòng, phòng Kiểm tra chất lượng Công ty (đạt chuẩn ISO 17025); Trung tâm quan trắc môi trường biển Hải Phòng và Viện Sức khỏe – Môi trường Bộ Y tế, tất cả các mẫu đều có kết luận phù hợp với qui định của Nhà nước.

- Máy móc, thiết bị luôn hoạt động trong điều kiện an toàn, hiệu quả.

- Thực hiện đầy đủ các qui định về kiểm tra, kiểm định an toàn cho toàn bộ hệ thống theo qui định, đảm bảo tốt công tác PCCN và an toàn vệ sinh lao động.

- Thường xuyên phối hợp với các Công ty khai thác công trình thủy lợi để giải quyết các vấn đề về chất lượng nước nguồn.

- Áp dụng công nghệ và tiến bộ khoa học, tự động hóa vào quản lý và vận hành hệ thống cấp nước.

1.1.2. Lĩnh vực Kinh doanh tiêu thụ và Tài chính:

- Luôn nỗ lực phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch, năm 2016, sản lượng nước thương phẩm đạt 58,6 triệu m³, doanh thu đạt 596 tỷ đồng, nộp 23,1 tỷ đồng tiền thuế các loại và 79,9 tỷ đồng tiền phí thoát nước vào ngân sách thành phố.

- Công tác giảm thất thoát cũng được công ty chú trọng thông qua việc áp dụng tự động hoá trong lĩnh vực quản lý vận hành hệ thống cấp nước, sử dụng vật tư đảm bảo chất lượng và tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát địa bàn. Do đó, thất thoát nước toàn công ty vẫn được duy trì ở mức <13%.

- Không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng, năm 2016, công ty đã thành lập trung tâm chăm sóc khách hàng (Call centre) và áp dụng thí điểm hình thức thu tiền nước tại nhà sang thu tập trung tại quầy nhằm đáp ứng nhu cầu của khách hàng. Chuẩn bị đầy đủ điều kiện để phát hành hóa đơn điện tử, đa dạng hóa hình thức thanh toán tiền nước ngay từ đầu năm 2017

- Công tác sản xuất kinh doanh nước uống đóng chai ngày càng phát triển và có sức cạnh tranh tốt, do chú trọng đến chất lượng sản phẩm nên đã dần mở rộng được thị trường tiêu thụ. Đến nay đã có 4.650 khách hàng tín nhiệm sử dụng sản phẩm nước tinh khiết. Doanh thu nước uống đóng chai năm 2016 đạt 5,1 tỷ đồng.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Số liệu về biến động tài sản cố định hữu hình trong kỳ là:

STT	Loại tài sản	Nguyên giá	Đã khấu hao	Giá trị còn lại
1	2	3	4	5
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	407.598.293.770	190.308.143.373	217.290.150.397
2	Máy móc, thiết bị	135.633.962.762	79.829.717.315	55.804.245.447
3	Phương tiện vận tải	950.936.111.255	421.331.970.285	529.578.325.523

4	TSCĐ khác	15.606.475.342	9.431.636.301	6.174.839.041
	Tổng cộng	1.509.774.843.129	700.901.467.274	808.873.375.855

-Tình hình tài chính công ty biến động theo chiều hướng tốt, vốn công ty được bảo toàn và sử dụng có hiệu quả cao, Công ty không có nợ phải thu xấu hoặc tài sản xấu ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

b) Tình hình nợ phải trả

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ:

Tính đến ngày 31/12/2016 nợ phải trả là 249.889.951.782 đồng trong đó:

+ Nợ ngắn hạn: 106.474.907.958 đồng

+ Nợ dài hạn: 143.415.043.824 đồng

Không có biến động quá lớn về các khoản nợ

- Nợ phải trả xấu: Không có

- Ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay:

Khi nhận gốc vay ngoại tệ trong kỳ, giao dịch này được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi công ty giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập BCTC được xác định theo nguyên tắc:

+ Đối với khoản vay: Áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

a) Áp dụng hệ thống công nghệ thông tin hiện đại trong sản xuất, quản lý

- Nâng cao năng lực và mở rộng hệ thống Scada ra các vùng ngoại vi thành phố và các điểm trọng yếu trên toàn thành phố.

- Thực hiện cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử đến khách hàng, thuận tiện và đơn giản hóa trong công tác quản lý hóa đơn và chế độ báo cáo với cơ quan thuế.

- Cung cấp dịch vụ đa dạng các hình thức thanh toán cho khách hàng, thanh toán qua ngân hàng, thanh toán online, thanh toán tại quầy tiện ích, thanh toán tại tổ quản lý và tại nhà.

- Nâng cấp và sử dụng hiệu quả hệ thống Hóa đơn, Hệ thống thông tin Quản lý MIS, xây dựng hệ thống phát triển khách hàng.

- Cung cấp dịch vụ đăng ký trực tuyến các dịch vụ cấp nước cho khách hàng, nhằm đơn giản hóa thủ tục và đẩy nhanh thời gian, đăng ký sử dụng các dịch vụ cấp nước nâng cao các dịch vụ cấp nước.

- Áp dụng thành công và không ngừng nhân rộng công tác ghi đọc số bằng thiết bị PDA.

b) Hợp tác quốc tế

- Phối hợp với Cục Cấp thoát nước thành phố Kitakyushu triển khai các dự án hỗ trợ kỹ thuật của Jica

- Dự án nâng cao năng lực mạng lưới cấp nước Hải Phòng.

- Dự án nghiên cứu ứng dụng phổ biến công nghệ U-BCF tại 6 tỉnh ở Việt Nam.

- Duy trì mối quan hệ hợp tác thường xuyên với các đối tác quốc tế trong lĩnh vực cấp thoát nước.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

4.1 . Lĩnh vực Tổ chức – Hành chính:

- Hoạt động ổn định theo mô hình công ty cổ phần.

- Thực hiện tốt văn hóa doanh nghiệp, phát huy phong trào thi đua nghiên cứu áp dụng sáng kiến cải tiến kỹ thuật trong công tác quản lý và sản xuất kinh doanh.

- Tích cực tham gia công tác xã hội; duy trì và phát triển các quan hệ hợp tác trong và ngoài nước.

- Duy trì tổ chức các chương trình học tập, tham quan nghiên cứu, tổ chức các lớp bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho CBCNV.

- Đảm bảo điều kiện công ăn việc làm, ổn định thu nhập, nâng cao đời sống CBCNV Công ty.

4.2. Lĩnh vực sản xuất nước và chất lượng nước:

- Đảm bảo cấp nước đầy đủ, an toàn, kịp thời nhu cầu của khách hàng tại các vùng phục vụ.

- Chất lượng nước đạt yêu cầu, phù hợp với QCVN 01: 2009/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước ăn uống và mục tiêu chất lượng của các đơn vị.

4.3. Lĩnh vực kinh doanh tiêu thụ và tài chính:

- Phát triển khoảng 15.000 khách hàng nâng tổng số khách hàng dùng nước đạt khoảng 296.000. Trong đó, khách hàng phát triển của các dự án cấp nước nông thôn là 9.000 khách hàng

- Vận hành mạng lưới theo áp lực cuối nguồn đảm bảo $\geq 15\text{m}$ cột nước.

- Phần đầu tỷ lệ thất thoát toàn công ty $\leq 12,5\%$.

- Triển khai và thực hiện hóa đơn điện tử, thanh toán trực tuyến.

- Triển khai tiếp nhận và giải quyết các dịch vụ, yêu cầu của khách hàng qua mạng (trên website công ty).

- Bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu, đảm bảo thu nhập của người lao động và nộp ngân sách đầy đủ.

- Trả nợ vay đầy đủ, đúng hạn.

- Quản lý hiệu quả vốn Nhà nước tại NMN Minh Đức và tại Công ty cổ phần Cấp nước Hải Phòng số 2.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có): không

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

- Bằng các biện pháp thưởng/phạt khi sử dụng tiết kiệm hoặc lãng phí so với định mức kinh tế kỹ thuật trong quá trình sản xuất đối với nước sạch (nước thô), năng lượng (điện, than đá), Công ty đã triệt để tiết kiệm các nguồn nước, năng lượng dùng cho sản xuất, bán hàng và sinh hoạt đồng thời hạn chế đến mức tối đa nguồn phát thải ra ngoài môi trường.

- Hệ thống xử lý nước thải của công ty hoạt động liên tục (24/24h), được kiểm soát chặt chẽ các chỉ tiêu hàng ngày và đáp ứng tốt yêu cầu môi trường bên cạnh việc tăng cường trồng cây xanh, đảm bảo môi trường sản xuất xanh, sạch, an toàn.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Công ty luôn quan tâm, chăm lo đến đời sống CBCNV - người lao động trong Công ty cả về vật chất và tinh thần. Đảm bảo đủ việc làm và có thu nhập ở mức khá so với mặt bằng chung của thành phố. Đóng BHXH đầy đủ, giải quyết kịp thời các chế độ, chính sách BHXH, ốm đau, thai sản, nghỉ phép, nghỉ lễ, tết, tiền lương, tiền thưởng, chế độ ăn giữa ca; trang bị đầy đủ bảo hộ lao động, cải thiện điều kiện làm việc, đảm bảo an toàn vệ sinh lao động. Tổ chức khám sức khỏe toàn diện, định kỳ hàng năm cho người lao động, bố trí công việc phù hợp với điều kiện sức khỏe và khả năng của người lao động. Thường xuyên quan tâm công tác đào tạo: tạo điều kiện cho người lao động đi học nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, gửi tham dự các lớp tập huấn, các lớp đào tạo .

Phong trào văn hóa văn nghệ, TDTT được Công ty quan tâm, tạo sân chơi lành mạnh cho người lao động: duy trì hoạt động của đội văn nghệ phục vụ các hội nghị của Công ty và tham gia hội diễn của Chi hội cấp nước miền Bắc; tham gia các giải bóng đá phong trào của địa phương và Hội thao toàn Công ty. Năm 2016, đoàn thể thao của Công ty gặt hái được thành tích cao trong đại hội thể thao cấp nước miền Bắc.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Ngoài việc phát triển sản xuất ,tạo thêm việc làm và thu nhập cho cộng đồng dân cư các khu vực trong thành phố, Công ty còn tích cực tham gia các hoạt động giữ gìn

an ninh trật tự, an toàn xã hội, phòng chống cháy nổ tại địa bàn, các hoạt động tương thân, tương ái, ủng hộ, hỗ trợ các tổ chức xã hội, nhân đạo, ủng hộ đồng bào bão lụt, xây nhà tình nghĩa... cũng như các hoạt động khác của địa phương.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ Công ty năm 2016, trong năm qua Hội đồng quản trị đã thực hiện chức năng quản trị, giám sát và định hướng mọi hoạt động của công ty, HĐQT đã giao nhiệm vụ cụ thể đến từng thành viên theo từng lĩnh vực để chỉ đạo, giám sát các hoạt động của Ban điều hành. Năm 2016, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông giao.

Kết quả thực hiện chỉ tiêu SXKD năm 2016

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Chỉ tiêu	THỰC HIỆN
1	Doanh thu	613.022.361.848
2	Doanh thu hoạt động tài chính	7.256.444.725
3	Chi phí	548.454.688.224
4	Lợi nhuận trước thuế	74.255.013.048
5	Lợi nhuận sau thuế	59.842.320.937
6	Chỉ tiêu cổ tức dự kiến	7%

So sánh với các chỉ tiêu, phương án hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2016 tại Đại hội đồng cổ đông ngày 14/04/2016 đã thông qua thì Doanh thu hoạt động sản xuất nước sạch tăng 1,1 %, Tổng lợi nhuận trước thuế hoạt động sản xuất nước sạch tăng 1,14 %, thu nhập bình quân tăng 2,6%, tỷ lệ trả cổ tức tăng 17% so với kế hoạch đã đề ra.

Kết quả đầu tư xây dựng năm 2016

HĐQT quản lý, giám sát nguồn vốn đầu tư theo đúng chức năng và nhiệm vụ ghi trong điều lệ công ty. Trong các phiên họp, HĐQT đã chỉ đạo Tổng giám đốc quản lý hoạt động đầu tư linh hoạt điều chỉnh theo từng giai đoạn nhằm bảo toàn, phát triển vốn sản xuất kinh doanh và ưu tiên cho lợi ích của cổ đông.

Trong năm 2016, Công ty đã hoàn thành và giải ngân xong 31 công trình đầu tư với tổng giá trị là 100.810 tỷ đồng.

Công tác tổ chức nhân sự

Các hoạt động khác

- Đảm bảo đời sống vật chất, tinh thần, chăm sóc sức khỏe, giải quyết tốt các chế độ chính sách cho người lao động; tạo đủ việc làm, cải thiện điều kiện làm việc và đảm bảo thu nhập ở mức khá so với mặt bằng chung của người lao động trong thành phố, làm tròn nghĩa vụ thuế với ngân sách Nhà nước.

- Đi đôi với giữ ổn định và phát triển sản xuất kinh doanh, Công ty làm tốt công tác bảo vệ môi trường, duy trì hoạt động 24/24 hệ thống xử lý nước thải; giảm thiểu phát thải các chất thải rắn, chất thải khí ra môi trường bằng các giải pháp kỹ thuật, đảm bảo sản xuất an toàn.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

- Ban Tổng Giám đốc có sự phân công nhiệm vụ, lĩnh vực phụ trách cho từng thành viên với nhiệm vụ, trách nhiệm và quyền hạn rõ ràng.

- Trên cơ sở Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các chủ trương, nghị quyết của HĐQT Ban Giám đốc công ty đã tổ chức điều hành tốt mọi hoạt động của Công ty theo kế hoạch đã được Đại hội thông qua và quyết định của HĐQT qua các kỳ họp. Thường xuyên báo cáo, xin ý kiến chỉ đạo về những vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT.

- Các thành viên trong Ban Giám đốc đoàn kết, hoàn thành tốt nhiệm vụ, chức trách theo lĩnh vực được phân công.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

V. Quản trị công ty (vì tổ chức không phải là tổ chức niêm yết nên không bắt buộc phải công bố các thông tin tại Mục này)

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán



Ý kiến Kiểm toán.pdf

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

(Toàn bản báo cáo tài chính năm 2016 đã được kiểm toán được đăng tải chi tiết tại địa chỉ Website: capnuochaiphong.com.vn)

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Vũ Hồng Dương